

Bản án số: 07 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2018
V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Sương
2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 470/2017/TLST-DS ngày 09/10/2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh V, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị L và anh V tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 21/11/1998. Sau khi kết hôn, chị L và anh V sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, đôi bên thường xảy ra cự cãi, anh V thường đi nhậu say, về nhà đánh đập vợ con, thậm chí đã có lần anh V vô cớ dùng dao đâm vào bụng gây thương tích cho chị L. Chị L và anh V đã ly thân cách nay 04 năm. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không còn khả năng hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L, anh V có 01 con chung tên N, sinh ngày 21/7/2000. Từ khi ly thân, cháu N sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con chung: đề nghị giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị đơn anh V vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh V kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị L và anh V là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị

L và anh V, có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân của chị L và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm và do anh V hành hung chị L. Điều này phù hợp với lời trình bày của chị L tại phiên tòa. Trong thời gian 04 năm ly thân, hai bên vẫn không thể hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, anh V cũng không đến Tòa án cho thấy anh V không có thiện chí hàn gắn cùng chị L. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh V có 01 con chung tên N, sinh ngày 21/7/2000. Từ khi ly thân, cháu N sống cùng chị L. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu N cũng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng chị L và kết quả xác minh tại địa phương cũng xác định cháu N luôn sống cùng chị L, chị L đủ khả năng nuôi con, trong khi đó anh V thường xuyên đi biển vắng nhà. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật đồng thời ghi nhận việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị L ly hôn với anh V.

2. Con chung: Chị L có quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, sinh ngày 21/7/2000. Ghi nhận việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền đến thăm nom con chung. Vì lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0012315 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng